

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUY AN
TỈNH PHÚ YÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **04/2025/KDTM-ST**

Ngày: 14/4/2025

“V/v tranh chấp hợp đồng
tín dụng”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY AN, TỈNH PHÚ YÊN

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Diễm Huyền

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Sáu và bà Đỗ Thị Hải

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Bích Ngân- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm- Kiểm sát viên

Ngày 14 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy An, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 16/2024/TLST- KDTM ngày 01 tháng 11 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2025/QĐXX-ST ngày 10/3/2025 và quyết định hoãn phiên tòa số 03/2025/QĐ-ST ngày 27/3/2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng N. Địa chỉ: Số B L, phường T, quận B, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Toàn V, Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo uỷ quyền: ông Lê Văn C- Trưởng phòng Khách hàng Ngân hàng N –Chi nhánh huyện T, tỉnh Phú Yên (theo văn bản uỷ quyền ngày 01/11/2024).

Địa chỉ: Số C Quốc lộ A, khu phố C, thị trấn C, huyện T, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

2. Bị đơn: Vợ chồng anh Đặng Phúc T– sinh năm 1981; chị Nguyễn Thị Thanh H- sinh năm 1983; Địa chỉ: Khu phố L, thị trấn C, huyện T, tỉnh Phú Yên. Chị H có mặt; anh T vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn ông Lê Văn C trình bày:

Ngày 13 tháng 01 năm 2017 vợ chồng chị Nguyễn Thị Thanh H, anh Đặng Phúc T có vay của Ngân hàng N – Chi nhánh huyện T (gọi tắt là Ngân hàng) số tiền 1.100.000.000 đồng (*Một tỷ một trăm triệu đồng*) theo hợp đồng tín dụng số 4602-LAV-201700229. Mục đích sử dụng tiền vay: Mua xe ô tô tải lạnh. Thời hạn vay 60 tháng; thời hạn trả cuối cùng vào ngày 13/01/2022; gia hạn đến ngày 15/01/2024. Lãi suất tại thời điểm cho vay là 10%/ năm; Lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn; phương thức trả tiền vay: Kỳ hạn trả gốc: 10 kỳ; kỳ hạn trả lãi: 06 tháng 01 kỳ.

Để đảm bảo cho khoản vay vợ chồng chị H, anh T có thể chấp tài sản theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 40/HĐTCTS ngày 12/01/2017. Tài sản thế chấp là 01 xe ô tô tải, nhãn hiệu INTERNATIONAL, xuất xứ MEXICO, năm sản xuất 2012, số khung: SJR6DH2696616, số máy: 5HM2Y4156908, màu sơn: Xanh; biển số 78C-064.82 do Nguyễn Thị Thanh H đứng tên và Rơ moóc nhãn hiệu MING WEI, sản xuất năm 2016, số khung LJT93VGJ6G0011575, số loại NHG9404TJZGQUA, biển số đăng ký 78R-003.24 theo giấy chứng nhận đăng ký rơ moóc số 000493, cấp ngày 09/01/2017 do Nguyễn Thị Thanh H đứng tên. Việc thế chấp đã đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm Đăng ký giao dịch, tài sản tại Đà Nẵng ngày 14/4/2017.

Ngân hàng đã tiến hành giải ngân cho vợ chồng chị H, anh T theo cam kết tại hợp đồng tín dụng đã ký kết. Quá trình thực hiện hợp đồng vợ chồng chị H, anh T đã thanh toán một phần khoản vay là 860.000.000đ. Vào ngày 20/10/2021 Ngân hàng đã đồng ý để khách hàng rút một phần tài sản thế chấp là xe ô tô tải, nhãn hiệu INTERNATIONAL để vợ chồng chị H, anh T bán trả khoản nợ còn lại. Tài sản thế chấp còn lại theo Hợp đồng thế chấp là Rơ moóc, nhãn hiệu MING WEI. Tuy nhiên, sau khi bán một phần tài sản thế chấp thì khoản nợ còn lại 240.000.000đ vợ chồng chị H, anh T vẫn không thực hiện đúng nghĩa vụ đã cam kết trong hợp đồng tín dụng;

Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc, làm việc nhưng vợ chồng chị H, anh T vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Tính đến ngày 14/4/2025, vợ chồng chị H, anh T còn nợ Ngân hàng số tiền là 313.298.683 đồng (trong đó: tiền vay gốc là 240.000.000 đồng, lãi trong hạn 58.261.918 đồng, lãi quá hạn 15.027.945 đồng). Nay Ngân hàng yêu cầu vợ chồng chị Nguyễn Thị Thanh H, anh Đặng Phúc T phải có nghĩa vụ trả toàn bộ số tiền gốc và lãi nêu trên. Nếu vợ chồng chị H, anh T không trả số tiền nêu trên cho Ngân hàng thì đề nghị xử lý phần tài sản thế chấp còn lại theo hợp đồng thế chấp là Rơ moóc, nhãn hiệu MING WEI, sản xuất năm 2016, số khung LJT93VGJ6G0011575, số loại NHG9404TJZGQUA, biển số đăng ký 78R-003.24 đứng tên Nguyễn Thị Thanh H theo giấy chứng nhận đăng ký rơ moóc số 000493 do Phòng C1 Công an tỉnh P cấp ngày 09/01/2017 để thu hồi nợ.

- Theo các tài liệu có tại hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, bị đơn chị Nguyễn Thị Thanh H trình bày:

Chị H thừa nhận vào ngày 13 tháng 01 năm 2017, vợ chồng chị H, anh T có vay của Ngân hàng N – Chi nhánh huyện T số tiền 1.100.000.000 đồng (*Một tỷ một trăm triệu đồng*) với thời hạn vay, lãi suất, mục đích sử dụng tiền vay theo hợp đồng tín dụng đã ký kết là đúng. Khoản vay này đứng tên chị H ký nhưng là khoản vay mà cả hai vợ chồng vay sử dụng cho mục đích mua ô tô phục vụ cho việc làm ăn kinh doanh của gia đình.

Để đảm bảo cho khoản vay vợ chồng chị H, anh T có thể chấp tài sản theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 40/HĐTCTS ngày 12/01/2017. Tài sản thế chấp để đảm bảo khoản vay là 01 xe ô tô tải, nhãn hiệu INTERNATIONAL biển số 78C-064.82 và Rơ moóc tải, nhãn hiệu MING WEI, biển số 78R-003.24.

Ngân hàng đã tiến hành giải ngân cho vợ chồng chị H, anh T theo cam kết tại hợp đồng tín dụng đã ký kết. Quá trình thực hiện hợp đồng vợ chồng chị đã thanh toán một phần khoản vay là 860.000.000 đồng. Vào ngày 20/10/2021 Ngân hàng đã đồng ý cho vợ chồng chị H rút một phần tài sản thế chấp là xe ô tô tải nhãn hiệu INTERNATIONAL biển số 78C-064.82 để vợ chồng chị bán trả nợ. Tuy nhiên, số tiền nợ gốc còn lại 240.000.000đ vợ chồng chị H, anh T chưa trả cho Ngân hàng. Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu vợ chồng chị H, anh T trả số tiền gốc 240.000.000đ và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng ký kết thì vợ chồng chị đồng ý trả nhưng hiện tại do hoàn cảnh khó khăn, làm ăn thua lỗ nên vợ chồng chị không có khả năng trả ngay số tiền này cho Ngân hàng và xin Ngân hàng cho thời gian để vợ chồng có điều kiện trả nợ. Trong trường hợp vợ chồng chị không trả nợ vay cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp mà vợ chồng chị đã ký kết.

- Bị đơn anh Đặng Phúc T vắng mặt nên không có lời trình bày.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy An tham gia phiên tòa phát biểu: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký đều thực hiện đúng qui định pháp luật; nguyên đơn thực hiện đúng quy định pháp luật, bị đơn anh Đặng Phúc T vắng mặt không có lý do; đề nghị HĐXX căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS) xét xử vắng mặt anh Đặng Phúc T. Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ Điều 4 Luật thương mại; Điều 4, Điều 100, 103, 107 Luật các tổ chức tín dụng; Các Điều 280; Điều 292; 293; 298; 299; 303; 317; 318; 319; 320; 323; 463; 466; 468 Bộ luật dân sự. Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn vợ chồng chị Nguyễn Thị Thanh H, anh Đặng Phúc T phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng N toàn bộ số tiền 313.289.863 đồng (trong đó: tiền vay gốc là 240.000.000 đồng, lãi trong hạn 58.261.918 đồng, lãi quá hạn 15.027.945 đồng). Trường hợp bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì đề nghị xử lý phân tài sản thế chấp còn lại là Rơ moóc nhãn hiệu MINGWEI, biển

số đăng ký 78R-003.24 theo hợp đồng thế chấp để thu hồi nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ; ý kiến của nguyên đơn, bị đơn. HĐXX nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ngân hàng N khởi kiện vợ chồng chị Nguyễn Thị Thanh H, anh Đặng Phúc T trú tại khu phố L, thị trấn C, huyện T, tỉnh Phú Yên về việc yêu cầu trả khoản nợ vay theo hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa một bên là pháp nhân với cá nhân, có mục đích lợi nhuận. Đây là tranh chấp hợp đồng tín dụng theo quy định tại khoản 1 Điều 30 và điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên.

[2] Về nội dung tranh chấp: Xét yêu cầu khởi kiện trả nợ gốc và lãi của nguyên đơn, HĐXX thấy:

- Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp gồm hợp đồng tín dụng số: 4602LAV201700229 ký ngày 13/01/2017; Giấy theo dõi tiền vay và kế hoạch trả nợ; giấy đề nghị vay vốn đều được lập thành văn bản, ký kết giữa nguyên đơn, bị đơn là hoàn toàn tự nguyện, tuân thủ các quy định của pháp luật khi giao kết. Mặc dù hợp đồng tín dụng chỉ có chị Nguyễn Thị Thanh H ký tên trên hợp đồng, nhưng khoản vay này là khoản vay của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân mục đích để sử dụng chung cho phát triển kinh tế của gia đình và hợp đồng thế chấp đều có chữ ký của chị H, anh T nên xác định đây là khoản vay của vợ chồng. Do đó, HĐXX đủ cơ sở xác định: giữa Ngân hàng N và vợ chồng chị Nguyễn Thị Thanh H, anh Đặng Phúc T có xác lập hợp đồng tín dụng. Theo đó, vợ chồng chị H, anh T có vay của Ngân hàng N1 và được Ngân hàng giải ngân với số tiền là 1.100.000.000đ (*Một tỷ một trăm triệu đồng*), thời hạn vay là 60 tháng, thời hạn trả cuối cùng vào ngày 13/01/2022; gia hạn đến ngày 15/01/2024, lãi suất thỏa thuận là 10%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; phương thức trả lãi tiền vay: 06 tháng/lần, số tiền vay gốc được thanh toán trong 10 kỳ.

Quá trình thực hiện hợp đồng, vợ chồng chị H, anh T đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 860.000.000 đồng. Số tiền còn lại 240.000.000 đồng đến nay đã quá thời hạn theo thỏa thuận nhưng vợ chồng chị H, anh T không trả cho Ngân hàng theo quy định của Hợp đồng là vi phạm nghĩa vụ trả tiền của bên vay theo Điều 8 của Hợp đồng tín dụng. Vì vậy, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu vợ chồng chị Nguyễn Thị Thanh H, anh Đặng Phúc T phải có nghĩa vụ trả khoản vay còn lại 240.000.000 đồng và khoản lãi suất tính đến ngày 14/4/2025 là 73.289.863 đồng (lãi trong hạn 58.261.918 đồng, lãi quá hạn 15.027.945 đồng) theo hợp đồng tín dụng là có căn cứ nên chấp nhận. Xét lời trình bày của

bị đơn về việc đề nghị HĐXX xem xét cho bị đơn thời gian trả nợ vì hoàn cảnh kinh tế khó khăn là không có căn cứ, nên HĐXX không chấp nhận lời trình bày của bị đơn.

- Về xử lý tài sản bảo đảm: Căn cứ Hợp đồng thế chấp số 40/HĐTCTS ngày 12/01/2017, thì vợ chồng chị Nguyễn Thị Thanh H, anh Đặng Phúc T tự nguyện thế chấp tài sản thuộc sở hữu của mình là 01 xe ô tô tải, nhãn hiệu INTERNATIONAL, xuất xứ MEXICO, năm sản xuất 2012, số khung: SJR6DH2696616, số máy: 5HM2Y4156908, màu sơn: Xanh; biển số 78C-064.82 do Nguyễn Thị Thanh H đứng tên và Rơ moóc nhãn hiệu MING WEI, sản xuất năm 2016, số khung LJT93VGJ6G0011575, số loại NHG9404TJZGQUA, biển số đăng ký 78R-003.24 theo giấy chứng nhận đăng ký rơ moóc số 000493, cấp ngày 09/01/2017 do Nguyễn Thị Thanh H đứng tên cho Ngân hàng để đảm bảo cho khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số: 4602LAV201700229. Việc thế chấp này đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm Đăng ký giao dịch, tài sản tại Đà Nẵng ngày 14/4/2017 và có nội dung phù hợp với quy định của pháp luật tại các Điều 117, 118, 119, 292, 295, 298, 320, 322 của Bộ luật dân sự và Điều 103 của Luật các tổ chức tín dụng nên có giá trị pháp lý buộc các bên phải thực hiện theo thỏa thuận trong hợp đồng.

Ngày 20/10/2021 Ngân hàng đã đồng ý cho vợ chồng chị H, anh T rút một phần tài sản thế chấp là xe ô tô tải nhãn hiệu INTERNATIONAL, xuất xứ MEXICO, năm sản xuất 2012, số khung: SJR6DH2696616, số máy: 5HM2Y4156908, màu sơn: Xanh; biển số 78C-064.82. Tài sản thế chấp còn lại là Rơ moóc, nhãn hiệu MING WEI, sản xuất năm 2016, số khung LJT93VGJ6G0011575, số loại NHG9404TJZGQUA, biển số đăng ký 78R-003.24 đứng tên Nguyễn Thị Thanh H theo giấy chứng nhận đăng ký rơ moóc số 000493 do Phòng C1 Công an tỉnh P cấp ngày 09/01/2017.

Do vợ chồng chị H, anh T vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký kết nên căn cứ thỏa thuận của các bên tại Điều 4 của Hợp đồng thế chấp số 40/HĐTCTS ngày 12/01/2017, HĐXX xét thấy có đủ cơ sở để chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng về việc xử lý phần tài sản thế chấp còn lại theo hợp đồng thế chấp là Rơ moóc, nhãn hiệu MINGWEI nói trên trong trường hợp vợ chồng chị H, anh T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng.

[3] Về án phí: Vợ chồng chị Nguyễn Thị Thanh H, anh Đặng Phúc T phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 280; 292; 293; 298; 299; 303; 317; 318; 319; 320; 323; 463; 466; 468; 688 của Bộ luật dân sự; Điều 4 Luật thương mại; Điều 4, Điều 100, 103, 107 Luật các tổ chức tín dụng; Các Điều 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30

tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Buộc bị đơn vợ chồng chị Nguyễn Thị Thanh H, anh Đặng Phúc T phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng N số tiền 313.289.863đ (*Ba trăm mười ba triệu, hai trăm tám mươi chín nghìn, tám trăm sáu mươi ba đồng*) (trong đó: tiền vay gốc là 240.000.000 đồng, lãi trong hạn 58.261.918 đồng, lãi quá hạn 15.027.945 đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, vợ chồng chị Nguyễn Thị Thanh H, anh Đặng Phúc T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà chị H, anh T phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trường hợp vợ chồng chị H, anh T không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là Rơ moóc, nhãn hiệu MING WEI, sản xuất năm 2016, số khung LJT93VGJ6G0011575, số loại NHG9404TJZGQUA, biển số đăng ký 78R-003.24 đứng tên Nguyễn Thị Thanh H theo giấy chứng nhận đăng ký rơ moóc số 000493 do Phòng C1 Công an tỉnh P cấp ngày 09/01/2017 theo Hợp đồng thế chấp số 40/HĐTCTS ngày 12/01/2017 để thu hồi nợ.

2. Về án phí: Vợ chồng chị Nguyễn Thị Thanh H, anh Đặng Phúc T phải chịu 15.664.493đ (*Mười lăm triệu, sáu trăm sáu mươi bốn nghìn, bốn trăm chín mươi ba đồng*) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

- Hoàn lại cho Ngân hàng N số tiền 7.407.006đ (*Bảy triệu bốn trăm lẻ bảy nghìn không trăm lẻ sáu đồng*) tạm ứng án phí tại biên lai thu tiền số 0000201 ngày 01/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt

được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt, niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND huyện Tuy An (2);
- Chi cục THADS huyện Tuy An;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Trần Thị Diễm Huyền